

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : BYK-1165  
Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Wetting & Dispersing Additive

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : BYK-Chemie GmbH  
Địa chỉ : Abelstrasse 45  
46483 Wesel  
Điện thoại : +49 281 670-23532  
Telefax : +49 281 670-23533  
Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com  
Số điện thoại liên hệ trong : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)  
trường hợp khẩn cấp : +65 3158 1074 (All languages)

**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm  
trọng/kích ứng mắt : Cấp 1**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H315 Gây kích ứng da.  
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Các lưu ý phòng ngừa :

**Biện pháp phòng ngừa:**P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.  
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.**Biện pháp ứng phó:**

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.

P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Không có thông tin.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất  
Bản chất hóa học : Mixture of oligomeric hydrocarbons with wetting agents

**Thành phần nguy hiểm**

Tên hóa học

| Tên hóa học  | Số CAS     | Nồng độ (% w/w)        |
|--|------------|------------------------|
| Distillates (petroleum), hydrotreated light paraffinic                         | 64742-55-8 | $\geq 50$ - $\leq 100$ |
| Poly(oxy-1,2-ethanediyl), $\alpha$ -isotridecyl- $\omega$ -hydroxy-, phosphate | 73038-25-2 | $\geq 12,5$ - $< 20$   |
| Poly(oxy-1,2-ethanediyl), $\alpha$ -tridecyl- $\omega$ -hydroxy-, branched     | 69011-36-5 | $\geq 2,5$ - $< 3$     |

**4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.  
Tham vấn bác sĩ.  
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sĩ chăm sóc.  
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.  
Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.  
Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn thương mô không thể phục hồi.  
Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sĩ.  
Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện.  
Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước và sau đó uống thật nhiều nước.  
Giữ sạch đường hô hấp.  
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.  
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Không có thông tin.
- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Không có thông tin.

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột  
Carbon diôxít (CO<sub>2</sub>)  
Hóa chất khô
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Carbon ôxít  
Ôxít photpho
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.  
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

**6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.  
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.  
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Trung hoà bằng đá vôi trắng, dung dịch kiềm hoặc ammonia.  
Hút khô bằng các vật liệu hút nước trợ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).  
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu huỷ.

**7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN**

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không được hít hơi/bụi.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Để tránh tràn đổ trong quá trình thao tác, để chai ở trên một khay kim loại.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Chỉ Lưu trữ trong thùng chứa gốc.  
Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

| Thành phần   | Số CAS     | Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)  | Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép | Cơ sở  |
|--|------------|---------------------------------|---|--------|
| Distillates (petroleum), hydrotreated light paraffinic | 64742-55-8 | TWA (Hơi sương)                 | 5 mg/m <sup>3</sup>                       | VN OEL |
|  |            | STEL (Hơi sương)                | 10 mg/m <sup>3</sup>                      | VN OEL |
|  |            | TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi) | 5 mg/m <sup>3</sup>                       | ACGIH  |

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

Bảo vệ tay

Vật liệu : Găng tay chịu dung môi (butyl-cao su)  
Thời gian thấm : 120 min

Ghi chú

Bảo vệ mắt : Mang găng tay thích hợp.  
Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khí  
Đeo mạng che mặt và bộ quần áo bảo hộ phù hợp khi có các vấn đề bất thường.  
Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo không thấm.  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.  
Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.  
Không hút thuốc khi sử dụng.  
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.**9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**Trạng thái : thể lỏng  
Màu sắc : màu vàng nhạt  
Mùi đặc trưng : không quan trọng  
Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu  
Độ pH : 2,6 (20 °C)  
Nồng độ: 10 %  
Phương pháp: DIN 19268 (10% in water)  
Điểm/ khoảng nóng chảy : < 5 °C  
Phương pháp: derived  
Điểm sôi ban đầu : > 200 °C  
Phương pháp: derived  
Điểm cháy : > 150 °C  
Phương pháp: 49 (Pensky-Martens)  
Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

|                                    |   |  |
|------------------------------------|---|--|
| Tính dễ cháy (chất lỏng)           | : | Duy trì sự cháy  |
| Giới hạn trên của cháy nổ          | : | chưa có dữ liệu  |
| Giới hạn dưới của cháy nổ          | : | chưa có dữ liệu  |
| Áp suất hóa hơi                    | : | < 0,1 hPa<br>Phương pháp: derived                                      |
| Tỷ trọng hơi tương đối             | : | chưa có dữ liệu  |
| Tỷ trọng tương đối                 | : | chưa có dữ liệu  |
| Khối lượng riêng                   | : | 0,88 g/cm <sup>3</sup> (20 °C, 1.013 hPa)                              |
| Mật độ lớn                         | : | Không áp dụng được   |
| Độ hòa tan                         |   |  |
| Độ hòa tan trong nước              | : | có thể pha trộn hoàn toàn  |
| Độ hòa tan trong các dung môi khác | : | chưa có dữ liệu  |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước     | : | chưa có dữ liệu  |
| Nhiệt độ tự cháy                   | : | > 220 °C<br>Phương pháp: DIN 51794                                     |
| Nhiệt độ phân hủy                  | : | chưa có dữ liệu  |
| Độ nhớt                            |   |  |
| Độ nhớt, động lực                  | : | 150 mPa.s (20 °C)<br><br>Khoảng 19 mPa.s (40 °C)                       |
| Độ nhớt, động học                  | : | 170,45 mm <sup>2</sup> /s (20 °C)<br><br>22 mm <sup>2</sup> /s (40 °C) |
| Sức căng bề mặt                    | : | chưa có dữ liệu  |

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

|   |   |  |
|---|---|--|
| Khả năng phản ứng   | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. |
| Tính ổn định  | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. |
| Phản ứng nguy hiểm  | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. |
| Các điều kiện cần tránh                                     | : | chưa có dữ liệu  |
| Vật liệu không tương thích                                  | : | Các chất oxy hóa mạnh<br>Các kim loại                    |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. |

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Độc cấp tính****Sản phẩm:**Độc tính cấp theo đường : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
miệng**Ăn mòn/kích ứng da****Sản phẩm:**

Ghi chú: Ăn mòn và phá hủy nghiêm trọng mô

**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt****Sản phẩm:**

Ghi chú: Có thể gây tổn thương mắt không thể phục hồi

**Kích thích hô hấp hoặc da****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)****Sản phẩm:**Độc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong ống thí nghiệmĐộc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong cơ thể**Tác nhân gây ung thư****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Distillates (petroleum), hydrotreated light paraffinic:**Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Phân loại theo hàm lượng chiết DMSO < 3% (Quy định số  
1272/2008 (EC), Phụ lục VI, Phần 3, Chú thích L)**Độc tính sinh sản****Sản phẩm:**Ảnh hưởng đến khả năng : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
sinh sảnẢnh hưởng đến sự phát triển : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
của thai

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**STOT - Tiếp xúc một lần**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**STOT - Tiếp xúc lặp lại**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Lượng độc lặp lại**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độc tính hô hấp**

**Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

**Thông tin khác**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

---

**12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**Độc môi trường**

**Sản phẩm:**

Độc đối với cá : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**

**Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Khả năng tích lũy sinh học**

**Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

**Các tác hại khác**

**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

---

**13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**

**Các biện pháp thải bỏ**

- Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải. Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng. Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép.
- Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại. Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

---

**14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**

**Quy định Quốc tế**

**UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**IATA-DGR**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Mã IMDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

---

**15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**

**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

---

**16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tới đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECL - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm;

**BYK-1165**

Mã sản phẩm: 00000000000146162

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.